BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2010 - 2011 - LẦN CUỐI

(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Quản trị kinh doanh 4 - K12 **Ngành:** Quản trị kinh doanh **Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Nguyên lý thống kê	Kinh tế Vi mô	Marketing CB	Toán cao cấp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Hành vi giao tiếp	Xác suất thống kê	Pháp luật Kinh tế	Quản trị học	Tài chính tiền tệ	Tiếng Việt thực hành	Tin học Đại cương	Anh văn cơ bản 2	Giáo dục thể chất 2									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	4	3	4	3	2	1	5	3	4	3	3	3	3	4	4	1									53				
1	08109A0156	Lê Anh	Khôi	4	5	6	7	5	5	0	6	6	6	5	5	5	6	7	5	2									**5.57**		1	3	TB
2	0910090013	Nguyễn Văn	Cương	7	6	7	5	5		8	6	6	7	5	7		6			5									**6.08**				TB Khá
3	0910090165	Nguyễn Duy	Thanh	8	1	7	6	8	7	0	0	7	6	5	5	7	0	7	6	0									**4.98**		3	12	Yếu
4	0910090166	Huỳnh Tiến	Thành	8	3	2	5	7		7	6	4	4	3	7		5			5									**4.84**		5	17	Yếu
5	0910090179	Phạm	Thìn	5	5	6	6	6		7	6	7	6	7	6		5			7									**5.80**				TB
6	1010090184	Phạm Xuân Thủy	Tiên	7	7	5	6	7	6	6	6	7	9	6	6	6	7	9	5	7									**6.54**				TB Khá
7	1010090185	Ngô Thị Trúc	Tiên	6	7	6	7	5	7	8	6	8	9	6	7	6	5	9	5	6									**6.62**				TB Khá
8	1010090187	Trương Thị Ngọc	Tím	7	8	7	8	6	8	8	6	8	8	7	8	8	7	9	7	5									**7.32**				Khá
9	1010090188	Đinh Huy	Tín	6	8	5	8	6	9	5	5	7	8	7	6	5	7	9	7	6									**6.76**				TB Khá
10	1010090189	Đinh Hữu Phương	Toàn	7	8	5	4	5	6	7	6	7	7	6	6	6	7	8	4	4									**6.11**		2	8	TB Khá
11	1010090190	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	6	7	5	6	5	8	6	5	6	6	6	5	6	6	6	6	6									**5.78**				TB
12	1010090191	Hồ Thị	Trâm	6	8	5	8	5	6	7	6	6	7	8	7	5	7	9	8	5									**6.66**				TB Khá
13	1010090192	Trần Thị Thùy	Trâm	6	7	6	5	6	8	5	5	8	7	3	5	6	5	9	6	5									**6.05**		1	3	TB Khá
14	1010090193	Đinh Thị huyền	Trân	5	7	5	8	5	7	7	6	9	7	4	7	6	6	9	6	5									**6.45**		1	3	TB Khá
15	1010090195	Lê Hồng Bảo	Trân	5	8	5	6	5	8	8	5	8	7	6	6	5	6	9	7	5									**6.31**				TB Khá
16	1010090196	Nguyễn Thị Huyền	Trang	7	8	6	7	7	8	8	7	7	8	6	6	6	6	9	5	5									**6.79**				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Nguyên lý thống kê	Kinh tế Vĩ mô	Marketing CB	Toán cao cấp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Hành vi giao tiếp	Xác suất thống kê	Pháp luật Kinh tế	Quản trị học	Tài chính tiền tệ	Tiếng Việt thực hành	Tin học Đại cương	Anh văn cơ bản 2	Giáo dục thể chất 2									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	4	3	4	3	2	1	5	3	4	3	3	3	3	4	4	1									53				
17	1010090197	Nguyễn Ngọc	Trang	7	8	7	8	6	7	8	8	8	8	7	7	7	8	9	6	8									7.40				Khá
18	1010090198	Lê Thị Ngọc	Trang	7	8	5	6	5	8	7	6	7	8	5	6	4	7	9	5	5									6.35		2	7	TB Khá
19	1010090199	Trần Thị Mỹ	Trang	5	7	6	6	5	7	8	5	8	6	6	6	7	7	9	5	6									6.17		1	4	TB Khá
20	1010090200	Trần Thị Thùy	Trang	7	8	5	9	6	8	8	7	8	8	7	7	8	6	10	6	7									7.30				Khá
21	1010090201	Bùi Thị Cẩm	Trang	7	7	6	9	5	8	7	6	7	9	6	6	7	8	7	7	6									6.87				TB Khá
22	1010090202	Nguyễn Thị Huyền	Trang	5	8	5	9	6	8	8	6	7	8	7	6	5	7	9	6	7									6.67				TB Khá
23	1010090203	Nguyễn Minh	Trí	6	8	5	6	6	8	6	5	8	8	8	6	5	7	10	7	7									6.84				TB Khá
24	1010090205	Lê Thị Tuyết	Trinh	7	8	7	9	6	8	8	5	7	8	7	5	5	6	10	6	6									6.84				TB Khá
25	1010090206	Giả Thị Mai	Trinh	7	8	6	7	6	7	7	6	7	7	6	7	7	7	10	5	6									6.84				TB Khá
26	1010090207	Phan Thị	Trọn	7	8	6	10	6	9	7	7	8	9	8	8	6	7	9	8	5									7.76				Khá
27	1010090208	Phạm Thị Thanh	Trúc	7	7	7	8	5	7	7	6	8	8	6	6	5	8	9	6	5									6.86				TB Khá
28	1010090209	Lưu Tử	Trung	6	8	5	9	5	9	5	6	8	7	8	6	6	6	9	8	5									7.03				Khá
29	1010090210	Lý Nguyễn Kiên	Trung	7	8	5	8	5	9	6	6	7	7	7	6	5	8	9	7	6									6.84				TB Khá
30	1010090211	Nguyễn Văn	Trường	7	8	5	8	5	7	5	6	7	6	6	5	6	6	6	5	6									6.12		1	4	TB Khá
31	1010090212	Hồ Thị	Tú	7	7	5	8	5	7	6	6	8	8	7	6	6	7	10	5	6									6.75				TB Khá
32	1010090213	Đỗ Thị Ngọc	Tú	7	8	5	9	6	7	8	6	7	7	6	6	5	7	9	5	6									6.66				TB Khá
33	1010090214	Huỳnh Thanh	Tú	8	8	5	7	5	7	8	6	8	6	7	7	5	8	9	7	7									6.72				TB Khá
34	1010090215	Bùi Minh	Tuấn	5	8	5	7	6	6	6	5	6	6	8	5	6	6	8	6	5									6.15				TB Khá
35	1010090216	Nguyễn Tấn	Tuấn	7	7	5	6	5	6	5	6	7	7	7	5	7	5	8	4	5									6.11		1	4	TB Khá
36	1010090217	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn	6	8	5	8	5	9	7	7	8	7	6	6	6	7	9	7	8									6.85				TB Khá
37	1010090218	Nguyễn Thanh	Tùng	6	7	5	8	6	6	7	5	8	7	7	5	7	7	8	6	8									6.50				TB Khá
38	1010090220	Lê Hồng	Tươi	7	8	5	9	6	6	8	6	8	8	6	7	5	5	10	6	5									6.81				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Nguyên lý thống kê	Kinh tế Vĩ mô	Marketing CB	Toán cao cấp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Hành vi giao tiếp	Xác suất thống kê	Pháp luật Kinh tế	Quản trị học	Tài chính tiền tệ	Tiếng Việt thực hành	Tin học Đại cương	Anh văn cơ bản 2	Giáo dục thể chất 2									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	4	3	4	3	2	1	5	3	4	3	3	3	3	4	4	1									53				
39	1010090221	Phan Thị Thanh	Tuyền	7	8	7	10	6	8	8	7	8	9	7	8	6	8	10	7	8									**7.65**				Khá
40	1010090223	Châu Thị Cẩm	Tuyết	6	8	6	9	6	8	7	7	7	8	6	6	5	9	10	7	9									**7.24**				Khá
41	1010090224	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	5	8	5	6	5	6	7	6	7	6	7	6	6	6	7	4	6									**5.91**		1	4	TB
42	1010090225	Vũ Thị Thu	Vân	6	8	5	9	6	7	8	7	7	8	6	6	7	6	10	5	7									**6.90**				TB Khá
43	1010090226	Ngô Bảo	Vân	6	8	5	8	5	8	8	6	8	6	6	6	6	8	10	8	5									**6.82**				TB Khá
44	1010090227	Hồ Diễm Bích	Vân	5	8	6	9	6	8	8	5	9	7	7	6	6	7	9	8	6									**6.91**				TB Khá
45	1010090228	Võ Toàn	Văn	5	7	6	6	5	8	5	6	8	6	7	5	5	7	0	7	0									**5.65**		1	4	TB
46	1010090229	Nguyễn Thị Hà	Vi	7	9	7	7	6	6	8	6	7	7	6	6	5	7	8	5	6									**6.47**				TB Khá
47	1010090231	Nguyễn Quang	Vinh	6	9	5	8	5	6	7	6	9	7	7	6	6	7	10	6	6									**6.85**				TB Khá
48	1010090232	Nguyễn Phạm Hoàng	Vinh	6	7	5	7	5	8	8	6	8	6	7	6	6	7	10	6	7									**6.51**				TB Khá
49	1010090234	Nguyễn Tuấn	Vũ	5	7	5	8	5	5	7	5	8	7	6	4	6	8	9	6	9									**6.20**		2	5	TB Khá
50	1010090235	Trịnh Công	Vũ	7	8	7	5	6	6	8	5	8	7	6	7	5	7	9	5	7									**6.44**				TB Khá
51	1010090236	Nguyễn Ngọc Anh	Vũ	6	8	5	8	6	8	7	6	7	6	6	7	6	7	9	5	6									**6.54**		1	4	TB Khá
52	1010090237	Nguyễn Hoàng	Vương	5	8	5	5	6	6	8	6	8	7	7	8	6	8	9	4	7									**6.40**		2	8	TB Khá
53	1010090238	Lưu Thị Hoàng	Vy	6	7	7	6	5	6	8	7	9	7	7	6	6	7	9	5	5									**6.68**				TB Khá
54	1010090239	Nguyễn Thanh	Vy	7	8	7	7	5	7	5	7	9	9	5	7	7	8	9	7	5									**7.19**				Khá
55	1010090240	Nguyễn Hữu	Xuân	5	8	6	8	5	6	7	6	9	7	8	7	5	8	10	4	6									**6.77**		1	4	TB Khá
56	1010090241	Trần Thị Thanh	Xuân	7	7	6	7	5	7	8	7	8	8	8	7	6	6	8	7	6									**6.81**				TB Khá
57	1010090242	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	5	8	5	7	6	7	8	7	7	8	7	8	6	7	9	7	5									**6.91**				TB Khá
58	1010090243	Ngô Thị Kim	Ý	5	8	5	8	6	8	8	6	8	8	6	7	5	7	8	5	7									**6.60**				TB Khá
59	1010090244	Nguyễn Văn	Yên	5	7	4	6	4	8	8	5	7	6	7	6	5	6	8	6	6									**5.79**		2	6	TB
60	1010090245	Trần Thị	Yến	5	7	5	8	5	4	7	6	7	6	5	6	6	5	7	3	6									**5.65**		2	6	TB

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Nguyên lý thống kê	Kinh tế Vi mô	Marketing CB	Toán cao cấp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Hành vi giao tiếp	Xác suất thống kê	Pháp luật Kinh tế	Quản trị học	Tài chính tiền tệ	Tiếng Việt thực hành	Tin học Đại cương	Anh văn cơ bản 2	Giáo dục thể chất 2									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	**4**	**3**	**4**	**3**	**2**	**1**	**5**	**3**	**4**	**3**	**3**	**3**	**3**	**4**	**4**	**1**									**53**				
61	1010090246	Nguyễn Thị Cẩm	Yến	7	7	5	8	6	6	8	6	8	7	6	6	5	7	8	5	7									**6.45**				TB Khá
62	1010090247	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	5	7	6	8	5	5	8	5	9	8	7	6	5	8	8	5	6									**6.44**				TB Khá
63	1010090248	Lê Trần Phương	Trang	0	6	0	6	5	6		6	8	0	0	7	7	0	6	7	0									**4.26**		5	16	Yếu

Tổng danh sách này có:63 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	45	71
Giỏi	0	0.00	Trung bình	7	11
Khá	8	12.70	Yếu kém	3	5

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..../..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo **Người lập bảng**